

Bản án số: 284/2019/DS-ST
Ngày: 01/7/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Thanh Hồng

- Ông Võ Thành Viên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Toà án quận Gò Vấp

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên

Ngày tháng năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 5 năm 2019 (và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2019/QĐHPT-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019) giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thanh T, sinh năm 1970; Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1975 và Ông Lê Ngọc Th, sinh năm 1973;
Cùng địa chỉ: quận Gò Vấp, Tp. HCM

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và diễn biến tại phiên tòa, bà Lê Thanh T là nguyên đơn trình bày: Bà có cho ông Lê Ngọc Th và bà Phạm Thị H vay các khoản tiền như sau:

+ Ngày 30/8/2016 bà H vay 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/1 tháng, thời hạn vay 3 tháng.

+ Ngày 18/7/2015 bà H vay 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 5%/ 1 tháng, thời hạn vay 3 tháng.

+ Cùng giấy vay tiền ngày 18/7/2015, bà H có viết vay thêm 120.000.000 đồng.

+ Ngày 05/01/2019 bà H viết giấy vay tiền 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1%/ 1 tháng, thời hạn vay 1 tháng. Giấy vay tiền này là tổng các khoản tiền và giấy nợ bà Hồng vay lẻ vào các ngày 30/8/2016, 18/7/2015 nêu trên.

+ Ngày 08/7/2015 ông Lê Ngọc Th vay 110.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/ 1 tháng. Thời hạn vay từ 3 tháng đến 6 tháng.

Về lãi: Bà T yêu cầu ông Th và bà H thanh toán các khoản lãi từ ngày vay đến tháng 2/2019 là thời điểm khởi kiện. Cụ thể như sau:

- Đối với số tiền 30.000.000 đồng của giấy vay ngày 30/8/2016, dù thỏa thuận là 5%/ 1 tháng, nhưng bà T chỉ yêu cầu tính 1%/ 1 tháng x 29 tháng (tính đến tháng 2/2019) = 8.700.000 đồng;

- Đối với số tiền 50.000.000 đồng vay ngày 18/7/2015, dù thỏa thuận lãi suất 5%/ 1 tháng, nhưng bà T chỉ yêu cầu tính 1%/ 1 tháng x 42 tháng = 21.000.000 đồng;

- Đối với số tiền 120.000.000 đồng viết cùng vào giấy vay ngày 18/7/2015, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn vay. Do đó, đối với số tiền này, bà T không yêu cầu tính lãi.

- Đối với số tiền vay 110.000.000 đồng ngày 08/7/2015, dù thỏa thuận lãi suất 5%/ 1 tháng, nhưng bà T chỉ yêu cầu tính lãi 1%/ 1 tháng x 42 tháng = 46.200.000 đồng. (Đã trừ 1 tháng tiền lãi ông Th đã thanh toán).

Như vậy, tổng tiền lãi cho các khoản nợ là 8.700.000 đồng + 21.000.000 đồng + 46.200.000 đồng = 75.900.000 đồng.

Cộng các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn buộc phải thanh toán: Vốn 310.000.000 đồng; Lãi 75.900.000 đồng; Tổng cộng là 385.900.000 đồng.

Từ sau khi vay tiền đến nay ông Th bà H không thanh toán vốn lãi như đã thỏa thuận, bà T nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Th bà H vẫn chưa thanh toán. Việc vay mượn cả bà H và ông Th đều sử dụng tiền vay, đều biết việc vay mượn của nhau nên bà yêu cầu ông Th và bà H cùng có nghĩa vụ thanh toán số nợ này cho bà ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Số tiền này là tiền riêng của bà, chồng bà là ông Phạm Kim Th không biết. Do đó, bà yêu cầu tòa án không triệu tập chồng bà tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Mặt khác, bà và ông Th đã ly hôn từ năm 2013.

Bà T không yêu cầu tính lãi từ thời điểm khởi kiện đến thời điểm xét xử.

Bị đơn là ông Lê Ngọc Th và bà Phạm Thị H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp hợp lệ các văn bản tố tụng để đến tòa giải quyết vụ kiện nhưng ông Th, bà H vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nêu trên.

Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Gò Vấp và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thụ lý vụ án, ra thông báo thụ lý vụ án, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của pháp luật quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ bằng hình thức tổng đạt trực tiếp nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên bị đơn đã tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản tiền vay và lãi, không yêu cầu tòa án triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác. Do đó, Tòa án không triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai, giấy vay tiền vào các ngày 30/8/2016; 18/7/2015; 08/7/2015 và ngày 05/01/2019 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở để khẳng định: Nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 310.000.000 đồng để tiêu dùng. Các bên đương sự có thỏa thuận về việc trả lãi là 5%/1 tháng, nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi 1% trên số tiền vay, tổng lãi đối với các khoản vay là 75.900.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 385.900.000 đồng. Xét, các bên đương sự giao kết hợp đồng vay tài sản nhưng bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận. Việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi như nêu trên là có lợi cho bị đơn và phù hợp quy định tại Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Nguyên đơn không yêu cầu xem xét số tiền lãi phát sinh tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét thấy, bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận theo hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ gây thiệt hại cho nguyên đơn nên cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Lê Thanh T đối với bị đơn là ông Lê Ngọc Th và bà Phạm Thị H.

Buộc ông Lê Ngọc Th và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thanh T số tiền 385.900.000 đồng (ba trăm tám mươi lăm triệu chín trăm ngàn đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Ngọc Th và bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.295.000 đồng (mười chín triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng). Hoàn lại cho bà Lê Thanh T số tiền 10.702.000 đồng (mười triệu bảy trăm lẻ hai ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/00001525 ngày 27/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị